

CỤC THỐNG KÊ TỈNH ĐIỆN BIÊN  
DIEN BIEN STATISTICS OFFICE

**NIÊN GIÁM THỐNG KÊ  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**  
Dien Bien Statistical Yearbook

2019



NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ - 2020  
STATISTICAL PUBLISHING HOUSE - 2020

**Chỉ đạo biên soạn:**

PHẠM QUANG LỊCH

Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Điện Biên

**Tham gia biên soạn:**

CHUYÊN VIÊN PHÒNG TỔNG HỢP  
VÀ CÁC PHÒNG NGHIỆP VỤ  
CỤC THỐNG KÊ TỈNH ĐIỆN BIÊN

# **TỔNG QUAN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH ĐIỆN BIÊN NĂM 2019**

## **1. Tăng trưởng kinh tế**

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) năm 2019 tăng 4,76% so với năm 2018, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,09%, đóng góp 0,57 điểm phần trăm vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,78%, đóng góp 0,79 điểm phần trăm tăng trưởng chung; khu vực dịch vụ tăng 5,66%, đóng góp 3,18 điểm phần trăm; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 4,93%, đóng góp 0,22 điểm phần trăm. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh trong năm có mức tăng thấp so với bình quân chung của cả nước và các tỉnh có cùng điều kiện trong khu vực.

GRDP năm 2019 theo giá hiện hành đạt 19.468,13 tỷ đồng; GRDP bình quân đầu người đạt 32,36 triệu đồng, tương đương 1.385 USD (tăng 60 USD so với năm 2018). Về cơ cấu kinh tế năm 2019: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 17,24%, giảm 0,64%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 19,01%, giảm 0,34%; khu vực dịch vụ chiếm 59,31%, tăng 0,97%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4,44%, tăng 0,01%.

## **2. Thu, chi Ngân sách Nhà nước và bảo hiểm**

Tổng thu ngân sách Nhà nước địa phương năm 2019 ước đạt 18.790,34 tỷ đồng (thu nội địa đạt 1.217,73 tỷ đồng, tăng 4,96% so với thực hiện năm 2018).

Tổng chi ngân sách Nhà nước địa phương năm 2019 ước đạt 18.363,78 tỷ đồng, tăng 5,04% so với thực hiện năm 2018. Trong đó: chi thường xuyên đạt 6.868,34 tỷ đồng, tăng 0,33% so với thực hiện năm 2018.

Tổng thu bảo hiểm năm 2019 đạt 1.152,97 tỷ đồng, tăng 10,76% so với năm 2018, trong đó: thu Bảo hiểm xã hội đạt 570,65 tỷ đồng; Bảo hiểm y tế đạt 548,84 tỷ đồng; Bảo hiểm thất nghiệp đạt 33,49 tỷ đồng.

Tổng chi bảo hiểm năm 2019 đạt 1.387,83 tỷ đồng, tăng 18,26% so với năm 2018, trong đó: chi Bảo hiểm xã hội đạt 819,20 tỷ đồng; Bảo hiểm y tế đạt

561,41 tỷ đồng; Bảo hiểm thất nghiệp đạt 7,22 tỷ đồng.

Tổng số dư bảo hiểm năm 2019 đạt 70,91 tỷ đồng (bảo hiểm xã hội dư 70,91 tỷ đồng).

### **3. Đầu tư**

Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn thực hiện năm 2019 đạt 10.768,89 tỷ đồng, tăng 11,33% so với năm 2018, bao gồm: vốn khu vực nhà nước đạt 4.874,22 tỷ đồng (chiếm 45,26%), giảm 2,56% so với năm 2018; khu vực ngoài nhà nước đạt 5.894,67 tỷ đồng (chiếm 54,74% ), tăng 26,22%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài năm 2019 không có vốn đầu tư.

### **4. Chỉ số giá**

Năm 2019 tỉnh Điện Biên tiếp tục thực hiện mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát; tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường, kịp thời phát hiện xử lý nghiêm các hành vi buôn bán, vận chuyển hàng lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng, gian lận thương mại và vi phạm pháp luật về giá; thu hút đầu tư, thực hiện chính sách tiền tệ, cắt giảm đầu tư công, giảm bội chi ngân sách địa phương, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển... một cách có hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành và bình ổn giá cả nên trong năm 2019 chỉ số giá không có biến động lớn, giữ ổn định ở mức tăng và giảm nhẹ.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2019 so bình quân năm 2018 tăng 3,11%.

Chỉ số giá vàng bình quân năm 2019 tăng 6,33% so bình quân năm 2018.

Chỉ số giá đô la Mỹ bình quân năm 2019 tăng 1,00% so bình quân năm 2018.

### **5. Tình hình hoạt động của doanh nghiệp**

Dự ước năm 2019 có 135 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn 885 tỷ đồng; đăng ký thay đổi, bổ sung cho 310 lượt doanh nghiệp. Nâng tổng số doanh nghiệp toàn tỉnh lên 1.129 doanh nghiệp với tổng số vốn đăng ký 21.908 tỷ đồng và 200 chi nhánh, văn phòng đại diện của các doanh nghiệp ngoài tỉnh đăng ký hoạt động tại địa phương.

Số doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động trong năm 2019 là 70 doanh nghiệp.

Kinh tế tập thể và hộ kinh doanh tiếp tục được khuyến khích phát triển.

Dự ước năm 2019 thành lập mới 24 hợp tác xã với tổng số vốn đăng ký là 36 tỷ đồng; có 20 hợp tác xã giải thể; tổng số hợp tác xã trên địa bàn tỉnh là 200 hợp tác xã với tổng số vốn đăng ký 435 tỷ đồng;

Dự ước số doanh nghiệp thực tế hoạt động tại thời điểm 31/12/2019 là 959 doanh nghiệp, tăng 5,27% so với năm 2018, trong đó doanh nghiệp Nhà nước bằng năm trước; doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 5,35%; lao động của doanh nghiệp tăng 5,62% so với năm 2018 (doanh nghiệp Nhà nước tăng 0,54%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 5,82%). Lợi nhuận trước thuế của các doanh nghiệp đạt 171,82 tỷ đồng, tăng 25,47% so với năm 2018.

## **6. Kết quả sản xuất một số ngành lĩnh vực**

### ***- Nông, lâm nghiệp và thủy sản***

Năm 2019, sản lượng lương thực có hạt cả tỉnh đạt 265.236,2 tấn, tăng 0,24% so với năm 2018, trong đó sản lượng lúa đạt 187.024,9 tấn, tăng 0,9% (sản lượng lúa đông xuân đạt 57.008,1 tấn, tăng 3,05%; sản lượng lúa mùa đạt 130.016,8 tấn, giảm 0,01% trong đó lúa mùa ruộng đạt 99.896,2 tấn, tăng 4,44%, lúa mùa nương đạt 30.120,6 tấn, giảm 12,39%).

Năm 2019, diện tích trồng rừng mới tập trung đạt 384,03 ha, giảm 76,18% so với thực hiện năm 2018, trong đó rừng sản xuất 258,51 ha; rừng phòng hộ 125,52 ha. Sản lượng gỗ khai thác đạt 14.299,0 m<sup>3</sup>, giảm 1,97% so với thực hiện năm 2018; sản lượng củi khai thác đạt 811.125 ste, giảm 1,30%; tre khai thác được 1.431,4 nghìn cây, tăng 6,93%; luồng khai thác được 676,3 nghìn cây, tăng 8,33%; nứa khai thác 1.471,5 nghìn cây, giảm 6,93%.

Năm 2019, sản lượng thủy sản đạt 3.444,4 tấn, tăng 12,49% so với năm 2018. trong đó: Sản lượng nuôi trồng đạt 3.187,9 tấn, tăng 13,42% so với năm trước; sản lượng thủy sản khai thác đạt 256,5 tấn, tăng 2,02% so với cùng kỳ năm trước.

### ***- Công nghiệp***

Chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2019 tăng 4,39% so với năm 2018, trong

đó ngành khai khoáng tăng 5,98%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,42%; sản xuất và phân phối điện tăng giảm 19,43%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,16%.

#### ***- Thương mại, dịch vụ***

Năm 2019, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính đạt 12.680,45 tỷ đồng, tăng 15,13% so với năm trước.

Vận tải hành khách năm 2019 đạt 1.730,44 nghìn lượt khách, tăng 24,90% so với thực hiện năm trước và luân chuyển đạt 308.041,64 nghìn hành khách.km, tăng 25,70%. Vận tải hàng hóa năm 2019 đạt 3.926,80 nghìn tấn, tăng 15,11% so với năm 2018 và luân chuyển đạt 175.044,32 nghìn tấn.km, tăng 15,77%.

Năm 2019, số lượt khách du lịch đến Điện Biên đạt 329.572 lượt người, tăng 4,02% so với năm 2018.

### **7. Một số vấn đề xã hội**

#### ***- Dân số, lao động việc làm***

Dân số trung bình tỉnh Điện Biên năm 2019 ước tính 601.659 người, tăng 11.141 người, tương đương 1,89% so với năm 2018, trong đó: dân số thành thị 86.555 người, chiếm 14,39%; dân số nông thôn 515.104 người, chiếm 85,61%; dân số nam 305.005 người, chiếm 50,69%; dân số nữ 296.654 người, chiếm 49,31%.

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên tỉnh Điện Biên ước tính năm 2019 là 352.632 người, tăng 8.183 người so với năm 2018. Lao động 15 tuổi trở lên đang làm việc kinh tế năm 2019 ước tính 350.767 người, tăng 9.507 người so với năm 2018.

Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi năm 2019 là 0,47% (khu vực thành thị là 3,15%; khu vực nông thôn là 0,04%). Tỷ lệ thiếu việc làm của lực lượng lao động trong độ tuổi năm 2019 là 3,49% (khu vực thành thị là 1,58%; khu vực nông thôn là 3,79%).

#### ***- Đời sống dân cư***

Năm 2019, thu nhập bình quân đầu người một tháng chung cả tỉnh Điện Biên theo giá hiện hành đạt 1.599,34 nghìn đồng, tăng 13,51% so với năm 2018.

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020, năm 2019 là 33,05%. Tỷ lệ hộ có nguồn nước hợp vệ sinh năm 2019 là 73,10%. Tỷ lệ hộ có hố xí vệ sinh năm 2019 là 56,90%.

Trong năm 2019 theo số liệu sơ bộ thiên tai đã làm 7 người chết và mất tích; 1 người bị thương; 22 ngôi nhà bị sập đổ, cuốn trôi; 594 ngôi nhà bị ngập, sạt lở, tốc mái; 2.381,29 ha lúa, 2.997 ha hoa màu bị thiệt hại. Tổng giá trị thiệt hại do thiên tai gây ra trong năm 2019 là 50 tỷ đồng.

#### ***- Trật tự an toàn xã hội***

Năm 2019, trên địa bàn tỉnh Điện Biên đã xảy 42 vụ tai nạn và va chạm giao thông, làm 26 người chết, 32 người bị thương. So với năm 2018 số vụ tai nạn giao thông năm 2019 giảm 2,33% (giảm 1 vụ); số người chết bằng năm trước, số người bị thương giảm 15,79% (giảm 6 người) so với năm 2018.

Năm 2019 tỉnh Điện Biên xảy ra 25 vụ cháy, ước thiệt hại 3.736 triệu đồng. So với năm 2018 số vụ cháy, nổ giảm 30,56%, giá trị thiệt hại giảm 30,21%.

Khái quát lại, năm 2019, tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh tương đối ổn định, trong bối cảnh có những thuận lợi cơ bản và khó khăn, thách thức đan xen. Song các cấp, các ngành, nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã nỗ lực phấn đấu và đã đạt được kết quả khá toàn diện trên các lĩnh vực. Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2019 ước đạt 4,76%. Một số ngành sản xuất công nghiệp chế biến, dịch vụ du lịch có chuyển biến tích cực. Các cấp, các ngành, nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã triển khai và tổ chức thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch năm 2019 theo đúng tinh thần Nghị quyết của Chính phủ và giải pháp chỉ đạo điều hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 của UBND tỉnh, bước đầu đã đạt được kết quả tích cực, phần lớn các chỉ tiêu kinh tế đều tăng so với cùng kỳ năm trước; đời sống nhân dân được nâng lên; Quốc phòng an ninh được đảm bảo, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

## **OVERVIEW ON SOCIO-ECONOMIC SITUATION IN DIEN BIEN PROVINCE IN 2019**

### **1. Economic growth**

Dien Bien's gross regional domestic product (GRDP) in 2019 increased by 4.76% compared to 2018, of which the agriculture, forestry and fishery sector rose 3.09%, contributing 0.57 percentage points to the overall growth; the industry and construction sector expanded 3.78%, contributing 0.79 percentage points to the overall growth; the service sector spread 5.66%, contributing 3.18 percentage points; the product taxes less subsidies on production increased 4.93%, contributing 0.22 percentage points. The economic growth rate of the province in the year was low compared to average of the whole country's growth rate and in comparison with other provinces having the same conditions in the region.

GRDP at current prices in 2019 reached 19,468.13 billion VND; GRDP per capita gained 32.36 million VND, equivalent to 1,385 USD (an increase of 60 USD over 2018). The economic structure in 2019: the agriculture, forestry and fishery sector accounted for 17.24%, a decline of 0.64%; the industry and construction sector accounted for 19.01%, a reduction of 0.34%; the service sector accounted for 59.31%, a rise of 0.97%; the product taxes less subsidies on production accounted for 4.44%, a spread of 0.01%.

### **2. State budget revenue, expenditure and insurance**

State budget revenue in 2019 reached 18,790.34 billion VND (Of which, domestic revenue gained 1,217.73 billion VND, an increase of 4.96% compared to the implementation in 2018).

The expenditure of the State budget in 2019 was estimated 18,363.78 billion VND, a growth of 5.04% compared to the implementation in 2018. Of which: frequent expenditure was 6,868.34 billion VND, a spread of 0.33% compared to the implementation in 2018.

Total insurance revenue in 2019 reached 1,152.97 billion VND, an



increase of 10.76% compared to 2018, of which: the social insurance revenue reached 570.65 billion VND; the health insurance revenue reached 548.84 billion VND; the unemployment insurance reached 33.49 billion VND.

Total insurance expenditure in 2019 reached 1,387.83 billion VND, an increase of 18.26% compared to 2018, of which: the social insurance expenditure was 819.20 billion VND; the health insurance expenditure was 561.41 billion VND; the unemployment insurance expenditure was 7.22 billion VND.

Total insurance balance in 2019 reached 70.91 billion VND (the social insurance was surplus of 70.91 billion VND).

### **3. Investment**

Total realized development investment capital in the province in 2019 reached 10,768.89 billion VND, increased by 11.33% compared to 2018, of which: the State sector's investment gained 4,874.22 billion VND (accounted for 45.26%), decreased by 2.56% compared to 2018; the Non-state sector's investment achieved 5,894.67 billion VND (accounted for 54.74%), rose by 26.22%; there was no investment capital in the FDI sector in 2019.

### **4. Price index**

In 2019, Dien Bien province continued to implement the goal of macroeconomic stability to curb inflation; strengthened and controlled market inspection, timely detected and strictly handled acts of trading and transporting of contraband, counterfeit, poor quality goods, trade frauds and violation of the Law on price; attracted investment, implemented monetary policy, cut public investment, reduced local budget overspending, promoted production and business development ... Thanks to effective price management, administration and stabilization, the price index in 2019 had no big changes, remained a slight increase or decrease.

The average consumer price index (CPI) in 2019 increased by 3.11% compared to the average of 2018.

The average gold price index in 2019 increased by 6.33% compared to that figure in 2018.

The average US dollar price index in 2019 grew by 1.00% compared to 2018.

## **5. Operation of enterprises**

It was estimated that in 2019, there were 135 newly registered enterprises with total capital of 885 billion VND; registered changes and supplements for 310 businesses. Thus, the total number of enterprises in the province was 1,129 enterprises with total registered capital of 21,908 billion VND and 200 branches and representative offices of enterprises outside the province registered to operate in the locality.

The number of enterprises dissolved and ceased their operations in 2019 was 70 enterprises. Collective and business households continued to be encouraged to develop. In 2019, there were 24 newly established cooperatives with a total registered capital of 36 billion VND; there were 20 dissolved cooperatives; The total number of cooperatives in the province was 200 cooperatives, with total registered capital of 435 billion VND;

The number of acting enterprises in reality as of December 31, 2019 was 959 enterprises, an increase of 5.27% in comparison with 2018, of which the state-owned enterprises were the same as the previous year; non-state enterprises increased by 5.35%; labor in all enterprises increased by 5.62% compared to 2018 (State-owned enterprises increased by 0.54%; non-State enterprises increased by 5.82%). Profit before tax of enterprises reached 171.82 million VND, an increase of 25.47% compared to 2018.

## **6. Production results in some areas**

### ***- Agriculture, forestry and fishery***

In 2019, production of cereals in the province reached 265,236.2 tons, an increase of 0.24% compared with 2018, of which paddy production reached 187,024.9 tons, rose by 0.9% (production of winter-spring paddy reached 57,008.1 tons, rose by 3.05%, production of summer paddy reached 130,016.8

tons, fell by 0.01%, of which winter paddy reached 99,896.2 tons, increased by 4.44%, upland winter paddy reached 30,120.6 tons, went down 12.39%).

In 2019, area of newly planted forests reached 384.03 hectares, fell by 76.18% compared with that in 2018, of which production forest reached 258.51 hectares; protection forest reached 125.52 hectares. Wood production reached 14,299.0 m<sup>3</sup>, fell 1.97% compared with that in 2018; firewood production reached 811,125 ste, decreased by 1.30%; bamboo reached 1,431.4 thousand trees, increased by 6.93%; *Dendrocalamus barbatus* reached 676.3 thousand trees, rose 8.33%; cork trees reached 1,471.5 thousand trees, fell 6.93%.

In 2019, fishery production reached 3,444.4 tons, rose by 12.49% compared with 2018. In which: aquaculture production reached 3,187.9 tons, rose by 13.42% compared with the previous year; production of fishery catching reached 256.5 tons, rose by 2.02% compared with the same period last year.

#### ***- Industry***

Index of industrial production in 2019 increased by 4.39% compared to 2018, of which mining and quarrying went up 5.98%; manufacturing activities spread 9.42%; production and distribution of electricity increased by 19.43%; water supply, sewerage, waste management and remediation activities reduced 5.16%.

#### ***- Trade and services***

In 2019, gross retail sales of goods and services were estimated at 12,680.45 billion VND, an increase of 15.13% compared to the previous year.

Number of passengers carried in 2019 reached 1,730.44 thousand persons, an uptrend of 24.90% compared to the previous year and number of passenger traffic reached 308,041.64 thousand person.km, a rise of 25.70%. Volume of freight carried in 2019 achieved 3,926.80 thousand tons, a growth of 15.11% compared to 2018 and volume of freight traffic was 175,044.32 thousand tons.km, a spread of 15.77%.

- In 2019, the number of visitors to Dien Bien reached 329,572 visitors, an increase of 4.02% over 2018.

## **7. Social issues**

### ***- Population, labor and employment***

The average population in Dien Bien in 2019 was estimated at 601,659 persons, a year on year increase of 11,141 persons, equivalent to 1.89%. Of which: The urban population was 86,555 persons, accounted for 14.39%; the rural population was 515,104 persons, made up 85.61%; male population was 305,005 persons, accounted for 50.69%; female population was 296,654 persons, made up 49.31%.

The labor force aged 15 years and over in 2019 was estimated at 352,632 persons, a year on year increase of 8,183 persons. The employed population aged 15 years and over working in economic sectors in 2019 was estimated at 350,767 persons, an increase of 9,507 persons compared to 2018.

The unemployment rate of labor force in working age in 2019 was 0.47% (urban area was 3.15%; rural area was 0.04%). The underemployment rate of labor force in working age in 2019 was 3.49% (urban area: 1.58%; rural area: 3.79%).

### ***- Living standards***

In 2019, monthly income per capita at current prices in the province reached 1,599.34 thousand VND, an increase of 13.51% compared to 2018. In 2019, the rate of poverty households identified by multi-dimensional poverty standards applicable to the period 2016-2020 was 33.05%. The percentage of households having hygienic water sources in 2019 was 73.10%. The percentage of household using hygienic latrine in 2019 was 56.90%.

In 2019, according to preliminary data, natural disasters caused 7 deaths and missing; 1 wounded; 22 houses collapsed and swept away; 594 houses flooded, hit by landslide, roof ripped-off; 2,381.29 ha rice and 2,997 ha of arable crops were damaged. Total value of loss caused by natural disasters in 2019 was 50 billion VND.

***- Social order and safety***

In 2019, there were 42 traffic accidents and collisions occurred in the province, caused 26 deaths and 32 injuries. Compared to the figures of 2018, the number of traffic accidents in 2019 declined by 2.33% (down 1 case); number of death was the same as previous year, number of wounded decreased by 15.79% (down 6 persons) over 2018.

In 2019, there were 25 cases of fire and explosion across the province, with an estimated damage of 3,736 million VND. In comparison to the figures of 2018, the number of fire and explosion cases in 2019 decreased by 30.56%, value of damage fell by 30.21%.

***In summary***, the socio-economic situation in 2019 in the province was relatively stable, in the context of mixing advantages and difficulties, challenges. However, all levels, agencies and people of ethnic groups in the province strived to achieve comprehensive results in all fields. The economic growth in 2019 was estimated at 4.76%. Some industrial activities such as electricity, construction materials and tourism services showed positive changes. All levels, agencies and people of ethnic groups in the province deployed and implemented the objectives and tasks of the 2019 plan in accordance with the Government's Resolution and solutions to direct the socio-economic development plan in 2019 of the Provincial People's Committee, so that positive results were achieved initially, most economic indicators increased compared to the same period last year; people's living standard was improved; defense and security were ensured, social security and social order were maintained.